

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số mức chi thực hiện chế độ
áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện
ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Xét Tờ trình số 3157/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quy định một số mức chi thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số mức chi, mức ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức đóng góp và chế độ miễn, giảm thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người nghiện ma túy điều trị, cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Mức chi, mức ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức đóng góp và chế độ miễn, giảm thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

1. Chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

a) Mức chi tiền ăn hàng tháng: 0,9 mức lương cơ sở/học viên/tháng.

b) Mức chi hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập, lao động: 100.000 đồng/học viên/năm.

c) Mức hỗ trợ tiền ăn khi đi đường: Học viên là thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi chấp hành xong quyết định trở về nơi cư trú được hỗ trợ tiền ăn khi đi đường với mức 60.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường, tối đa không quá 03 ngày.

2. Các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ và chế độ miễn, giảm đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng.

a) Các khoản đóng góp

Người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được miễn, giảm và hỗ trợ theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này), gồm:

Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: Mức đóng góp theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập

Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: Mức đóng góp theo chi phí thực tế và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp

Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày

Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2006 của liên Bộ Lao động – TB&XH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế hướng dẫn công tác dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy, người bán dâm và sau cai nghiện ma túy

Chi phí dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành về công tác dạy nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Chế độ hỗ trợ:

Người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy theo chi phí thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng không quá 500.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

c) Chế độ miễn, giảm:

Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng được xét miễn hoặc giảm một phần chi phí trong thời gian cai nghiện tập trung tại cộng đồng như sau:

Miễn đóng góp tiền ăn trong thời gian chấp hành quyết định đối với các trường hợp: Người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người bị nhiễm HIV/AIDS;

Giảm 50% mức đóng góp tiền ăn trong thời gian chấp hành quyết định đối với người thuộc hộ cận nghèo.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn đóng góp của người nghiện ma túy hoặc gia đình.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Các nội dung liên quan khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2017/TT-BTC.
4. Khi các văn bản quy định về mức chi, mức ngân sách nhà nước hỗ trợ, mức đóng góp và chế độ miễn, giảm dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang

